

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 144/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 31-8-2023

V/v Ly hôn giữa chị P và anh V.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đinh Thị Phương Lan.

2. Ông Đỗ Văn Dân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quốc Từng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên tòa:
Ông Bùi Đức Mậu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 282/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2023 về Tranh chấp ly hôn và giải quyết việc nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 147/2023/QĐXX-ST ngày 28 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 77/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Mỹ P, sinh năm 1977; Địa chỉ: Tổ D, ấp K, xã K, huyện K, tỉnh Kiên Giang. (có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Phan Văn V, sinh năm 1975; Địa chỉ: ấp N, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 4 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Mỹ P trình bày:

Vào năm 1996 chị và anh Phan Văn V tự nguyện quen biết yêu thương nhau và được sự đồng ý của cha mẹ hai bên nên chị và anh V tiến hành tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống chị và anh V có 02 người con chung tên Phan Thị Mỹ K, sinh ngày 30/4/2001 và Phan Thanh Q, sinh ngày 11/5/2006, hiện cháu K đã

trưởng thành còn cháu Q đang sống với chị P. Về tài sản chung và nợ chung thì không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị P xác nhận thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc nhưng đến năm 2017 thì vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn với nhau, lý do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, không hợp nhau, vợ chồng thường hay cãi vã nhau, anh V không lo làm ăn mà còn cờ bạc chửi mắng vợ con và thường xuyên đánh đập chị nên chị và anh V đã ly thân từ đó cho đến nay.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay chị P có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Do chị và anh V không đăng ký kết hôn nên yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về việc nuôi con chung: Chị và anh V có 02 người con chung tên Phan Thị Mỹ K, sinh ngày 30/4/2001 và Phan Thanh Q, sinh ngày 11/5/2006. Đối với cháu Q thì chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc, giáo dục cháu Q đến khi cháu đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh V cấp dưỡng, đối với cháu K thì đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phan Văn V đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến trình bày tại Tòa.

Tại phiên tòa anh V vắng mặt.

** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử: Đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn chị Phạm Thị Mỹ P đối với bị đơn anh Phan Văn V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghị án, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Phạm Thị Mỹ P có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang giải quyết việc hôn nhân của anh chị. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm 4 khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân

dân huyện Hòn Đất. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho anh V nhưng anh V vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh V theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị P xác định anh chị chung sống với nhau từ năm 1996 nhưng đến nay anh chị không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, mặc dù anh V không có ý kiến bằng văn bản xác nhận về việc vợ chồng anh chị có đăng ký kết hôn hay không có đăng ký kết hôn nhưng theo đơn xin xác nhận ngày 31/7/2023 của Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang thì Ủy ban nhân dân xã M xác nhận anh chị chung sống với nhau và không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó Tòa án xác định anh chị chung sống với nhau như vợ chồng và không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống thì anh chị sống hạnh phúc với nhau đến khoảng năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, không hợp nhau, vợ chồng thường hay cãi vã nhau nên đã sống ly thân với nhau từ đó cho đến nay.

Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ chung sống như vợ chồng giữa chị P và anh V từ năm 1996 đến nay là một thời gian dài nhưng anh chị vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “1. N, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này” thì Hội đồng xét xử nhận định mối quan hệ giữa anh chị là không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

[3] Về việc nuôi con chung: Chị P xác nhận trong thời gian chung sống giữa anh chị có hai người con chung tên Phan Thị Mỹ K, sinh ngày 30/4/2001 và Phan Thanh Q, sinh ngày 11/5/2006; hiện cháu K đã trưởng thành nên chị P không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với cháu Phan Thanh Q thì từ khi anh chị sống ly thân, cháu Q sống với chị P, chị P vẫn đảm bảo cuộc sống về vật chất và tinh thần cho con, hơn nữa theo biên bản lấy lời khai ngày 28/7/2023 thì cháu Q có nguyện vọng sống cùng chị P, do đó Hội đồng xét xử xét nên giao cháu Q cho chị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại khoản 1 và khoản 2, Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Anh V được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Chị P cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh V trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên toà, chị P có ý kiến không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con, anh V không có ý kiến trình bày tại Tòa và không có yêu cầu phản tố, do đó Hội đồng xét xử không xem xét vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh V đúng theo quy định pháp luật nhưng anh V vắng mặt không lý do. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hoà giải, đối chất về tài sản chung và nợ chung giữa anh V và chị P được. Mặt khác, tại Tòa án cũng như tại phiên toà chị P xác nhận trong thời gian chung sống cùng anh V, anh chị không tạo lập được tài sản gì và cũng không có nợ ai. Cho nên về phần tài sản chung và nợ chung Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này các đương sự có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[6] Thống nhất ý kiến của Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án như đã phân tích và nhận định trên.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị P yêu cầu ly hôn nên căn cứ theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị P phải có nghĩa vụ nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 14; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phạm Thị Mỹ P và anh Phan Văn V.

2. Về nuôi con chung:

Giao cháu Phan Thanh Q, sinh ngày 11/5/2006 cho chị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh V được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Chị P cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh V trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con. Đối với cháu Phan Thị Mỹ K, sinh ngày 30/4/2001 đã trưởng thành và chị P không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị P có ý kiến không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con, anh V không có ý kiến trình bày tại Tòa và không có yêu cầu phản tố, do đó Hội đồng xét xử không xem xét vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh V cũng không có yêu cầu phản tố nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Phạm Thị Mỹ P phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0009894 ngày 18 tháng 05 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang, như vậy chị P không phải nộp thêm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

6. Quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị Mỹ P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phan Văn V vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Hòn Đất;
- Chi cục THADS huyện Hòn Đất;
- UBND xã Sơn Kiên;.
- Lưu: hồ sơ, V.P.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Quyên

